

CÔNG TY CỔ PHẦN CDD HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CDD HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CDD HANOI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CDD HANOI., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108563569

3. Ngày thành lập: 02/01/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 1, hẻm 200/28/56 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0917810288

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cổng thông tin Loại trừ: Hoạt động thông tấn, hoạt động báo chí	6312
2.	Quảng cáo	7310
3.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
4.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
5.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
6.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
7.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
8.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
9.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
10.	Xây dựng nhà để ở	4101
11.	Xây dựng nhà không để ở	4102
12.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
13.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
14.	Xây dựng công trình điện	4221
15.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
16.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
17.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
18.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
19.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
20.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

21.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
22.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Loại trừ: Trung tâm giới thiệu việc làm	7810
23.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp cam kết chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật.	8560
24.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Loại trừ: Đấu giá hàng hóa theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
25.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
26.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
27.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
28.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
29.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
30.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Loại trừ: Hoạt động đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác.	4530
31.	Đại lý du lịch	7911
32.	Điều hành tua du lịch	7912
33.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
34.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Gồm có: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa, gỗ chế biến, sản phẩm gỗ sơ chế;	4663
35.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán buôn thiết bị trường học	4690
36.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
37.	In ấn	1811
38.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
39.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
40.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764

41.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Loại trừ: Đấu giá hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
42.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
43.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
44.	Bán buôn thực phẩm	4632
45.	Bán buôn đồ uống	4633
46.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
49.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
50.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
51.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
52.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
53.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
54.	Trồng cây ăn quả	0121
55.	Trồng cây lâu năm khác	0129
56.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
57.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
58.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
59.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
60.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
61.	Khai thác thủy sản biển	0311
62.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
63.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại 2005)	8299
65.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
66.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
67.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
68.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
69.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
70.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

71.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Gồm có: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt, phụ liệu may mặc, giày dép;	4669
72.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
73.	Sản xuất giày, dép	1520
74.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
75.	Xuất bản phần mềm	5820
76.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
77.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
78.	Hoạt động hậu kỳ	5912
79.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
80.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Đấu giá hàng hóa	4799
81.	Lập trình máy vi tính	6201
82.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
83.	Cho thuê xe có động cơ	7710
84.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
85.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
86.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
87.	Xây dựng công trình thủy	4291
88.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
89.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
90.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
91.	Phá dỡ	4311
92.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
93.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
94.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Loại trừ: Đấu giá hàng hóa	4610
95.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
96.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
97.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
98.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
99.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn thiết bị trường học, thiết bị văn phòng, bán buôn máy máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng	4659(Chính)
100.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

101.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
102.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
103.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
104.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
105.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
106.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830

6. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM CHÍ CÔNG	Thôn Nguyên Lâm, Xã Hoa Lư, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.000	600.000.000	40,000	151532565	
			Tổng số	6.000	600.000.000	40,000		
2	NGÔ DUY KHÁNH	Thôn Cao Mỗ, Xã Chương Dương, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.500	450.000.000	30,000	034078001854	
			Tổng số	4.500	450.000.000	30,000		
3	NGÔ THỊ THO	Thôn Bá Mai, Xã Hồng Việt, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.500	450.000.000	30,000	034182007389	
			Tổng số	4.500	450.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM CHÍ CÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/02/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 151532565

Ngày cấp: 20/05/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Nguyên Lâm, Xã Hoa Lư, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Nguyên Lâm, Xã Hoa Lư, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội